

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của dự án khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại bến Đá Giăng, thôn Thuận Yên Đông, xã Tam Sơn, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Xét nội dung Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự án khai thác dự án khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại bến Đá Giăng, thôn Thuận Yên Đông, xã Tam Sơn, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam gửi kèm Công văn số 10/CV-CTY ngày 12/3/2021 của Công ty TNHH Khai thác khoáng sản Nguyên Thi;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 225/TTr-STNMT ngày 07 tháng 4 năm 2021 và hồ sơ kèm theo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của dự án khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại bến Đá Giăng, thôn Thuận Yên Đông, xã Tam Sơn, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam diện tích khu vực khai thác là 13.748 m² và khu vực bãi tập kết có diện tích 802 m² (sau đây viết tắt là dự án) do Công ty TNHH Khai thác khoáng sản Nguyên Thi làm Chủ đầu tư (sau đây viết tắt là chủ dự án), với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án theo quy định pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền thực hiện các nội dung sau:

1. Xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường
2. Kiểm tra, thanh tra, giám sát Chủ dự án trong thực hiện nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.
3. Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (nếu có) của Dự án.
4. Trường hợp Chủ dự án vi phạm các quy định tại quyết định này, kịp thời báo cáo UBND tỉnh xem xét, xử lý.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương; Chủ tịch UBND huyện Núi Thành, Giám đốc Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam, Chủ tịch UBND xã Tam Sơn, Công ty TNHH Khai thác khoáng sản Nguyên Thi; thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP;
- Phòng PC 05;
- Phòng TN&MT huyện Núi Thành;
- Lưu: VT, KTN.

**CHỦ TỊCH****Lê Trí Thanh**

Quyết định phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường này đã được đăng ký Nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam.

Số đăng ký: ĐK/ĐTM ngày tháng năm 2021

**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
GIÁM ĐỐC**



Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN KHAI THÁC CÁT, SỎI LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TẠI BẾN ĐÁ GIĂNG, THÔN THUẬN YÊN ĐÔNG, XÃ TAM SƠN, HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM”

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /4/2021
của UBND tỉnh Quảng Nam)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Các thông tin về Dự án

- Tên Dự án: Khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại bến Đá Giăng, thôn Thuận Yên Đông, xã Tam Sơn, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Khai thác Khoáng sản Nguyên Thi.

- Địa chỉ liên hệ: thôn Trung Lương, xã Tam Mỹ Tây, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Phạm vi:

+ Diện tích khu vực khai thác 13.748 m² (tại Công văn số 7278/UBND-KTN ngày 13/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc cho phép lập hồ sơ, thủ tục đề nghị xin cấp phép thăm dò cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại bến Đá Giăng, thôn Thuận Yên Đông, huyện Núi Thành).

+ Diện tích khu vực bãi tập kết 802 m² (tại Giấy phép số 2780/GP-UBND ngày 09/10/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam ban hành giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi xây dựng bến, bãi tập kết trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi hồ chứa nước Phú Ninh thuộc hệ thống công trình do Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Quảng Nam quản lý).

- Quy mô của Dự án:

+ Tổng trữ lượng khai thác: 35.888 m³ nguyên khối. Trong đó: cát 25.574 m³, sỏi 10.314 m³.

+ Công suất khai thác: 10.000 m³ nguyên khối/năm (trong đó cát: 7.126 m³, sỏi: 2.874 m³).

+ Tuổi thọ của dự án: 3 năm 8 tháng. Trong đó thời gian xây dựng cơ bản: 2 tháng.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Đối với môi trường không khí: tiếng ồn, bụi, khí thải.

- Đối với môi trường nước: nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn.

- Đối với chất thải rắn: chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

b) Trong giai đoạn vận hành:

- Đối với môi trường không khí: Bụi, khí thải, tiếng ồn từ các phương tiện giao thông vận tải.

- Đối với môi trường nước: nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn.

- Đối với chất thải rắn: chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi thải:

+ Trong giai đoạn thi công: hoạt động của phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho thi công;

+ Trong giai đoạn vận hành: hoạt động vận chuyển sản phẩm đi tiêu thụ sẽ phát sinh bụi cuốn lên từ bánh xe với quy mô lớn nhất là 24 lượt xe/ngày.

- Khí thải: Các phương tiện vận chuyển sử dụng nhiên liệu xăng và dầu diesel, khi hoạt động sẽ thải ra môi trường một lượng khói thải chứa các chất gây ô nhiễm không khí như bụi, SO₂, CO, NO₂.

2.3. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt:

+ Trong giai đoạn thi công xây dựng cơ bản: Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân khoảng 0,225 m³/ngày.

+ Trong giai đoạn khai thác: Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân khoảng 0,405 m³/ngày. Thành phần của nước thải sinh hoạt chứa lượng lớn các chất gây ô nhiễm như: Cặn bã, chất rắn lơ lửng (SS), chất hữu cơ (BOD, COD); Các chất (N, P) gây hiện tượng phú dưỡng nguồn nước.

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn qua mặt bằng sẽ cuốn theo một lượng lớn bùn, cát,... làm cho nước nhiễm bẩn và các tạp chất hữu cơ, hoá chất từ đó gây ô nhiễm môi trường đất, nước ngầm tại khu vực.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn:

a) Trong giai đoạn xây dựng cơ bản:

- Chất thải rắn sinh hoạt: chủ yếu là các loại túi, hộp đựng thức ăn, hộp và tàn thuốc lá, chai nhựa,... với khối lượng ước tính khoảng 4 kg/ngày.

- Chất thải rắn sản xuất: chủ yếu phát sinh tại khu vực bãi tập kết cát, sỏi từ quá trình cải tạo khu nhà dân thành khu văn phòng. Ngoài ra các hoạt động san gạt tạo mặt bằng khu bãi tập kết cát, sỏi và tu sửa tuyến đường vận chuyển được san gạt tại chỗ nên không phát sinh ra chất thải rắn sản xuất.

b) Trong giai đoạn khai thác:

- Chất thải rắn sản xuất: chủ yếu phát sinh các tạp chất như cành cây gỗ mục, bùn bụi phát sinh từ quá trình sàng lọc.

- Chất thải rắn sinh hoạt: chủ yếu là các loại túi, hộp đựng thức ăn, hộp và tàn thuốc lá, chai nhựa,... với khối lượng ước tính khoảng 7,2 kg/ngày.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH):

a) Trong giai đoạn xây dựng cơ bản:

Chất thải nguy hại như dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu, bóng đèn, kim loại dính dầu mỡ,... phát sinh ước tính khoảng 5-10 kg/tháng.

b) Trong giai đoạn khai thác:

Chất thải nguy hại như dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu, bóng đèn, kim loại dính dầu mỡ,... phát sinh ước tính khoảng 15-20 kg/tháng.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về xử lý bụi, khí thải:

a) Giảm thiểu tác động của bụi, khí thải từ các hoạt động của các phương tiện khai thác và vận chuyển sản phẩm đi tiêu thụ:

- *Giao thông đường bộ:* Có giải pháp quản lý và điều hành phương tiện vận chuyển cát, sỏi hợp lý, khoa học, nhằm hạn chế tối đa các tác động do bụi và khí thải phát sinh:

+ Sử dụng bạt che kín các thùng xe khi vận chuyển sản phẩm đi tiêu thụ; cam kết không chở cát, sỏi quá thành xe, không chở quá trọng tải thiết kế.

+ Sử dụng phương tiện vận chuyển tiên tiến, bảo đảm các yêu cầu về đăng kiểm theo quy định. Thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo trì máy móc để bảo đảm thiết bị luôn ở trong tình trạng hoạt động tốt, ít gây ảnh hưởng đến môi trường.

+ Thường xuyên phun, tưới nước trên đoạn đường vận chuyển bằng đất cũng như đường bê tông nông thôn từ khu vực khai thác đến nơi tiêu thụ đoạn nhiều nhà dân khoảng 2 km (tần suất phun nước khoảng 4 lần/ngày vào những ngày nắng gió): 02 lần vào buổi sáng, 02 lần vào buổi chiều.

+ Lập trạm rửa bánh xe tại vị trí điểm giao nhau giữa tuyến đường đất từ khu vực bãi tập kết với khu vực đường bê tông, diện tích rửa xe khoảng 6 m² (dài 3 m rộng 2m), nền được xata xi măng. Nguồn nước phục vụ cho rửa bánh xe được lấy tại Sông Mũi bằng xe téc, quá trình rửa bánh xe thực hiện thủ công xịt trực tiếp nước vào bánh xe để cuốn trôi bùn đất dính vào bánh xe.

+ Các xe vận chuyển cát, sỏi đi tiêu thụ phải đảm bảo về vệ sinh, tránh tình trạng đất, bùn bám vào bánh xe rơi vãi trên các tuyến đường nhất là vào những ngày mưa. Ngừng cho hoạt động đối với những xe không đảm bảo được vấn đề vệ sinh, để tránh tình trạng gây ô nhiễm môi trường trên các tuyến đường xe vận chuyển đi qua và ảnh hưởng đến an toàn giao thông.

+ Định kỳ 1 tuần 3-4 lần và đột xuất cho công nhân thu dọn vệ sinh cát, sỏi rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển. Trong quá trình vận chuyển, tuyến đường bê tông nông thôn công ty sử dụng để vận chuyển nếu có hư hỏng thì phải gia cố sửa chữa kịp thời không để ảnh hưởng đến đi lại của người dân.

- *Giao thông thủy:*

+ Đối với ghe vận chuyển cát từ khu vực khai thác về bãi tập kết phải lưu thông với tốc độ chậm, công nhân lái ghe phải được học tập đầy đủ các luật giao thông về đường thủy.

+ Trong quá trình khai thác phải có sự phối hợp chặt chẽ và chỉ đạo thường xuyên của cơ quan Quản lý đường thủy về khu vực khai thác để cắm phao, biển báo và các tín hiệu cần thiết hướng dẫn các phương tiện vận chuyển qua lại trong khu vực sông này.

+ Để khai thác không ảnh hưởng lớn đến việc lưu thông ghe, thuyền trên đoạn sông này cần phải áp dụng luật giao thông đường thủy nội địa, phải có đèn báo hiệu khi trời mưa và về đêm, có phao định vị khu vực khai thác. Sử dụng nhiên liệu có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và bảo đảm đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.

+ Thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo trì máy móc để bảo đảm thiết bị luôn ở trong tình trạng hoạt động tốt, ít gây ảnh hưởng đến môi trường.

3.2. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Xây dựng nhà vệ sinh có bể tự hoại 5 ngăn bastaf tại khu nhà thuê cách khu vực bãi tập kết khoảng 10m về phía Bắc để xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân.

- Nước mưa chảy tràn :

+ Tại khu vực khai thác là bãi cát nằm dưới lòng sông Mũi, hoạt động khai thác ở giữa lòng sông vì thế việc thoát nước mỏ theo hình thức tự chảy ra sông, không cần mở luồng dẫn nước.

+ Tại khu vực bãi tập kết : Công ty tiến hành đào mương thoát nước hớ dọc theo chiều dài bãi tập kết có kích thước khoảng 15m rộng 2m sâu 1,5m dẫn nước mưa chảy tràn về hố lắng. Hố lắng có diện tích 4m² chiều sâu 2m, nước tại hố lắng được lắng đọng cát, sỏi. Nước sau khi lắng được thấm thấu sau đó thoát theo địa hình về sông Mũi.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn:

3.3.1. Đối với chất thải rắn phát sinh từ quá trình khai thác:

Các tạp chất trong quá trình khai thác như cành cây vụn được thu gom chứa trong thùng chứa chất thải thông thường, khi đầy vận chuyển về nhà kho chứa chất thải rắn thông thường với diện tích 4 m² đặt tại khu vực văn phòng.

3.3.2. Đối với chất thải rắn sinh hoạt:

- Bố trí các thùng chứa rác tại khu vực văn phòng để thu gom và phân loại tại nguồn các loại rác thải để có biện pháp xử lý thích hợp:

+ Đối với các chất thải có thể tái chế (như giấy vụn, nhựa có thể tái sử dụng): bán lại cho các đơn vị thu mua phế liệu.

+ Các chất thải không còn giá trị sử dụng (gồm các chất thải vô cơ không thể tái chế được như bao bì, đồ hộp..., lá cây và các chất thải hữu cơ khác không thể tận dụng). Hợp đồng với đơn vị thu gom tại khu vực để thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Toàn bộ CTR sau khi thu gom sẽ được tập kết tại kho chứa chất thải rắn đặt tại khu vực nhà văn phòng nằm tại phía Bắc bãi tập kết cát, sỏi có diện tích 4m², có mái lợp tôn, xung quanh chắn bằng tôn, nền xạ xi măng.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTNH:

Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động được thu gom ngay lúc phát sinh. Đặt các thùng chứa CTNH tại khu vực khai thác, dụng cụ chứa CTNH có nắp đậy và có ký hiệu riêng nhận biết, có khả năng chống được sự ăn mòn, không bị gỉ, không phản ứng hoá học với CTNH chứa bên trong... Xây dựng nhà kho chứa CTNH có diện tích 4 m² đặt tại khu vực nhà văn phòng nằm tại phía Bắc bãi tập kết cát, sỏi và hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom xử lý.

3.5. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Giảm thiểu tác động của tiếng ồn:

+ Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, thay dầu nhớt, bôi trơn động cơ... đảm bảo các thiết bị khai thác, vận chuyển ở trạng thái hoạt động tốt.

+ Không sử dụng các máy móc thiết bị cũ, lạc hậu, phát sinh tiếng ồn lớn.

+ Vận hành máy móc thiết bị khai thác, phương tiện vận chuyển đúng quy trình kỹ thuật, hoạt động đúng công suất.

+ Có kế hoạch khai thác, vận chuyển hợp lý, không tập trung nhiều máy móc, phương tiện vận tải có tiếng ồn lớn cùng lúc trên khai trường.

- Giảm thiểu tác động đến bờ sông

+ Khai thác đúng thiết kế mỏ đã được phê duyệt, đúng độ sâu, phạm vi, chiều cao các tầng khai thác.

+ Trong quá trình khai thác chủ dự án tổ chức theo dõi diễn biến đường bờ sông ngoài phạm vi đã có phương án bảo vệ trên dọc chiều dài bờ sông dài 190m, để có các biện pháp ứng phó kịp thời nếu xảy ra sự cố sạt lở bờ sông.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

a) Phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

- Bố trí khu vực lưu trữ nhiên liệu có khả năng gây cháy nổ tại vị trí phù hợp ở nhà thuê gần khu vực khai thác. Bố trí các biển báo tại khu vực lưu trữ nhiên liệu.

- Trang bị các phương tiện ứng cứu sự cố khẩn cấp như bình chữa cháy,... đảm bảo các trang thiết bị đó luôn ở trong điều kiện sẵn sàng đáp ứng khi cần thiết.

- Lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây cháy nổ (như các kho chứa nhiên liệu xăng dầu..).

b) Phòng ngừa tai nạn lao động, tai nạn giao thông

- *Giao thông trên bộ:*

+ Bố trí, lắp đặt biển báo, biển cấm, bản nội quy an toàn lao động tại những vị trí trọng điểm để hướng dẫn, nhắc nhở công nhân khi làm việc phải thực hiện nghiêm túc các nội dung quy định.

+ Giáo dục ý thức an toàn lao động và vệ sinh môi trường cho toàn thể cán bộ công nhân viên làm việc tại mỏ.

- *Giao thông đường thủy:*

+ Trên phao hút cát và ghe vận chuyển phải bố trí áo phao, phao cứu sinh hay các vật liệu nổi để ứng phó kịp thời nếu có sự cố chìm ghe xảy ra.

+ Trong quá trình lưu thông ghe phải đi đúng luồng tránh tình trạng mắc cạn xảy ra.

+ Để khai thác không ảnh hưởng lớn đến việc lưu thông tàu thuyền trên đoạn sông này phải áp dụng theo Luật Giao thông đường thủy nội địa, phải có đèn báo hiệu khi trời mưa và về đêm và phao định vị khu vực khai thác.

+ Ghe vận chuyển chở đúng trọng tải, đi với tốc độ cho phép, không tiến hành vận chuyển cát, sỏi vào những ngày mưa to, gió lớn.

c) Phòng ngừa, ứng phó sự cố đuối nước

Lắp đặt biển báo, biển cấm tại khu vực đã khai thác có độ sâu để cảnh báo người dân, công nhân viên phòng tránh tình trạng xảy ra đuối nước ngoài ý muốn. Đầu tư các trang thiết bị như phao cứu sinh, áo phao, còi...

d) Phòng ngừa, giảm thiểu ứng phó sự cố tràn dầu, chìm tàu hút

- *Đối với sự cố tràn dầu, chìm máy hút, ghe vận chuyển:*

+ Phao chứa máy hút cát, sỏi được hàn chắc chắn, chịu được trọng tải của máy hút và độ rung thì máy hút hoạt động, máy hút được cố định chắc chắn trên phao. Mỗi phao bơm hút cát, sỏi được trang bị 02 neo phía đầu mũi, khi khai thác nêu hai mũi neo thành hình chữ "V" để neo đậu phao chắc chắn trong thời gian hút cát. Phao chứa máy hút có mái che để giữ khô máy hút vào những ngày mưa.

+ Vào những ngày mưa bão ngừng các hoạt động khai thác vận chuyển cát, sỏi nhanh chóng lái dạt phao chứa máy hút, và ghe vận chuyển vào sát bờ, giảm nguy cơ lật cho mưa bão...

+ Quản lý nguồn nguyên liệu, cung cấp dầu mỡ cẩn thận, tránh để sự cố tràn dầu xảy ra ngoài ý muốn.

+ Vận hành máy móc đúng quy trình kỹ thuật, hoạt động đúng công suất, thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo trì máy móc để bảo đảm thiết bị luôn ở trong tình trạng hoạt động tốt.

+ Trong quá trình khai thác xảy ra sự cố như chìm phao hút cát, ghe vận chuyển, tràn dầu, chủ dự án lập tức thông báo ngay cho chính quyền địa phương và cơ quan có chức năng liên quan về vị trí và nguyên nhân xảy ra sự cố để có sự chỉ đạo để tiến hành trục vớt và khắc phục sự cố. Tổ chức, chỉ huy lực lượng phương tiện, thiết bị ứng cứu tại chỗ triển khai ứng cứu, trục vớt các phương tiện bị sự cố vào bờ.

e) Phòng chống sự cố thiên tai

- Xây dựng phương án phòng chống lụt, bão trước mùa mưa lũ.
- Khi nhận được thông báo có lũ sẽ tiến hành đưa máy móc, tập kết phương tiện khai thác vào nơi an toàn.

f) Phòng chống sự cố sạt lở bờ sông

- Khai thác đúng thiết kế mỏ đã được phê duyệt, đúng độ sâu, phạm vi, chiều cao các tầng khai thác.
- Trong quá trình khai thác chủ dự án tổ chức theo dõi diễn biến đường bờ sông ngoài phạm vi đã có phương án bảo vệ trên dọc chiều dài bờ sông dài 190m, để có các biện pháp ứng phó kịp thời nếu xảy ra sự cố sạt lở bờ sông.
- Công tác khai thác đảm bảo không thực hiện vào mùa mưa lũ hoặc vào những ngày có mưa lớn xảy ra.

4. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường:

a) Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường:

- San gạt, gia cố tuyến đường đất cấp phối vận chuyển từ khu vực bãi tập kết cát, sỏi ra đến đường bê tông, chiều dài 30m, rộng 5m, chiều dày 0,3m, tổng khối lượng đất cần san gạt, gia cố trên tuyến đường này 45 m³.
- Chính trang dọc chiều dài bờ moong khai thác, phía Đông từ điểm khép góc số 1 đi về hướng Nam đến điểm khép góc số 2. Phía Tây từ điểm khép góc số 3 đi về hướng Nam đến điểm khép góc số 4. Tổng chiều dài bờ moong cần chỉnh trang là 380 m.
- Tháo dỡ công trình phụ trợ với tổng diện tích 200m².
- San gạt bãi tập kết cát, sỏi tạm thời với diện tích san gạt là 802m², chiều dày trung bình san gạt 0,3 m. Khối lượng san gạt là 240,6 m³
- Di chuyển máy móc ra khỏi khu vực dự án với số lượng 4 thiết bị.
- Cắm biển báo nguy hiểm: Số lượng biển báo lắp đặt là 03 cái, kích thước biển báo 70 cm x 70 cm x 70 cm. Sử dụng cọc bằng kim loại, kích thước: đường kính cọc 0,15 cm x chiều cao 2,5 m để làm giá đỡ cho biển báo.

b) Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ:

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là: 237.016.000 đồng (Hai trăm ba mươi bảy triệu, không trăm mười sáu nghìn đồng).
- Tổng kinh phí ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường là: 237.016.000 đồng (Hai trăm ba mươi bảy triệu, không trăm mười sáu nghìn đồng).

- Số lần ký quỹ: Theo thời gian trong dự án thì tuổi thọ mỏ khoảng 3 năm 8 tháng (nằm trong khoảng thời gian 01 năm $<n < 10$ năm), thuộc trường hợp phải ký quỹ nhiều lần, cụ thể như sau:

+ Số tiền ký quỹ lần đầu: 59.254.000 đồng (Năm mươi chín triệu, hai trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

+ Số tiền ký quỹ hằng năm trong 03 (ba) năm còn lại: 59.254.000 đồng (Năm mươi chín triệu, hai trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

- Số tiền ký quỹ nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2021.

Trường hợp Giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn khai thác khác với thời gian trong Phương án Cải tạo, phục hồi môi trường được phê duyệt thì Chủ Dự án có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung và dự toán số tiền ký quỹ theo Giấy phép khai thác khoáng sản được cấp trình UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để xem xét, quyết định.

- Thời điểm ký quỹ:

+ Việc ký quỹ lần đầu được thực hiện trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ sau khi Giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp.

+ Việc ký quỹ lần thứ hai trở đi phải thực hiện trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam (trong trường hợp Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Nam chưa được thành lập).

5. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

Danh mục các công trình bảo vệ môi trường chính được thể hiện ở bảng dưới đây:

TT	Công trình	Số lượng	Kế hoạch xây lắp
1	Nhà vệ sinh có bể tự hoại 5 ngăn	01 nhà vệ sinh	Hoàn thành trước khi bắt đầu khai thác
2	Các thùng chứa chất thải chuyên dụng	02 thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt và 02 thùng chứa chất thải nguy hại	
3	Kho chứa chất thải rắn, CTNH	Kho lưu chứa CTR với diện tích 4 m ² Kho lưu chứa CTNH với diện tích 4 m ²	
4	Trạm rửa xe	01 trạm	
5	Mương dẫn nước	Dài khoảng 15m rộng 2m sâu 1,5m	
6	Hố lắng	Diện tích 4m ² chiều sâu 2m	

6. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án:

STT	Hạng mục	Thông số giám sát	Khối lượng giám sát	Tần suất giám sát	Cơ sở đánh giá, so sánh
I GIAI ĐOẠN KHAI THÁC					
1	Giám sát môi trường nước mặt	- pH, độ đục, DO, TSS, BOD ₅ , COD, Amoni, Nitrat, photphat, tổng dầu mỡ, Coliform	- 1 điểm : Tại phía hạ lưu cách khu vực dự án khoảng 5m về phía cuối dòng chảy.	03 tháng/lần	QCVN 08-MT:2015/BTNMT (cột A2)
2	Giám sát CTR	Khối lượng, công tác thu gom, tập kết và xử lý CTR	- Toàn khu mỏ.	Thường xuyên	Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 25/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.
3	Giám sát CTNH	Khối lượng, công tác thu gom, tập kết và xử lý CTNH	- Toàn khu mỏ.	Thường xuyên	Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ TN&MT về quản lý chất thải nguy hại.
II GIAI ĐOẠN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG					
1	Giám sát CTR	- Khối lượng, công tác thu gom, tập kết và xử lý CTR	- Toàn bộ khu vực Dự án thông qua sổ sách theo dõi.	Thường xuyên trong thời gian cải tạo phục hồi môi trường	Nghị định số 38/2015/NĐ-CP.
2	Giám sát CTNH	- Khối lượng, công tác thu gom, tập kết và xử lý CTNH	- Tại kho lưu giữ.	Thường xuyên trong thời gian cải tạo phục hồi môi trường	Thông tư số 36/2015/ BTNMT.

7. Trách nhiệm của Chủ dự án:

7.1. Tổ chức việc khai thác theo đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng của Dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

7.2. Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động Dự án.

7.3. Tuân thủ các yêu cầu về phòng ngừa, ứng cứu sự cố, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động, an toàn hóa chất trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

7.4. Tất cả các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu được sử dụng trong dự án đều không thuộc danh mục cấm sử dụng ở Việt Nam theo quy định hiện hành.

7.5. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Núi Thành để được hướng dẫn giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

7.6. Xây dựng kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường định kỳ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 của năm trước để theo dõi, giám sát và thực hiện đầy đủ Chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Số liệu giám sát phải được cập nhật đầy đủ và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra, đánh giá diễn biến về chất lượng môi trường của khu vực.

7.7. Thực hiện việc cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo đúng quy định. Lập, trình Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành từng phần hoặc toàn bộ nội dung Phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

7.8. Báo cáo công tác thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Núi Thành trước ngày 31 tháng 01 hàng năm.

7.9. Tuân thủ nghiêm túc công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung Phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt theo các yêu cầu của Quyết định này và các quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

7.10. Chủ Dự án có trách nhiệm nộp số tiền ký quỹ phải tính đến yếu tố trượt giá và được xác định bằng số tiền ký quỹ nhân với chỉ số giá tiêu dùng của các năm trước đó tính từ thời điểm Phương án cải tạo, phục hồi môi trường được phê duyệt. Đồng thời, Chủ Dự án phải có trách nhiệm kê khai và nộp tiền ký quỹ tại Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam (trong trường hợp Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Nam chưa được thành lập) theo mẫu quy định tại Phụ lục số 12 Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

7.11. Trong quá trình triển khai Dự án, Chủ Dự án có những thay đổi quy định tại Khoản 2, Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường thuộc các trường hợp được quy định cụ thể tại Điểm 4, Khoản 7, Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ phải có văn bản báo cáo gửi UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi sau khi có quyết định chấp thuận về môi trường của UBND tỉnh.

8. Các điều kiện liên quan kèm theo:

8.1. Tổ chức theo dõi, quan trắc các khu vực bờ sông khai thác và có giải pháp phòng ngừa có hiện tượng sạt lở; khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra sự cố phải dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

8.2. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính đối với khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật hiện hành; tuân thủ chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, các yêu cầu nêu tại quyết định này và theo quy định của pháp luật hiện hành.

8.3. Phối hợp chặt chẽ chính quyền địa phương giải quyết các vấn đề liên quan trong quá trình thực hiện dự án; thực hiện công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự đối với nhân dân địa phương, người lao động tham gia thi công và khai thác Dự án.